

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/DS-PT  
Ngày 22/3/2024  
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

Bà Trương Tố Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 và 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1958, địa chỉ: Số C, ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1970, địa chỉ: Số A, khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1954, địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Luật sư Hồ Chí B – Công ty L chi nhánh S, địa chỉ: Số C N, khóm C, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Ông Huỳnh Văn H là nguyên đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020 và trong quá trình giải quyết án nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 03/02/2016 (nhằm ngày 25/12/2015 âm lịch), bà **Trần Thị T** có mượn (vay không lãi) của ông **H** 92.460.000 đồng, hẹn trong vòng 04 tháng sẽ hoàn trả, nếu quá 04 tháng không trả thì sẽ trả lãi 05%/tháng. Sau đó đến ngày 23/02/2016 (nhằm ngày 16/01/2016 âm lịch) bà **T** hỏi mượn thêm 51.000.000 đồng cũng hẹn trong vòng 04 tháng sẽ hoàn trả. Trong lần mượn tiền lần sau bà **T** nhờ người đánh máy biên nhận, gộp cả hai lần mượn tiền vào một biên nhận và ký tên rồi giao biên nhận cho ông **H**. Kể từ khi mượn tiền đến nay thì bà **T** không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận.

- Đối với số tiền bà **T** vay 92.460.000đ vào ngày 03/02/2016. Số tiền này được tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 04/6/2016 đến ngày 04/11/2020 là 53 tháng =  $92.460.000đ \times 1,66\%/tháng \times 53 \text{ tháng} = 81.346.308đ$ .

- Đối với số tiền bà **T** mượn 51.000.000đ vào ngày 23/02/2016. Số tiền này được tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 24/6/2016 đến ngày 24/11/2020 là 53 tháng =  $51.000.000đ \times 1,16\%/tháng \times 53 \text{ tháng} = 44.869.800đ$ .

Như vậy tổng số tiền bà **T** phải trả là: Vốn gốc 143.460.000đ + tiền lãi chậm thanh toán 126.216.108đ = 269.676.108 đồng. Nay ông **Huỳnh Văn H** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Trần Thị T** phải trả cho ông số tiền 269.676.108 đồng (hai trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm lẻ tám đồng).

**Trong quá trình giải quyết án, bị đơn bà **Trần Thị T** trình bày:**

Nguyên vào năm 2013, bà **Trần Thị T** có vay của ông **Huỳnh Văn H** 35 chỉ vàng 24k, lãi suất vay là 8 phân vàng 24k/tháng, khi vay có làm biên nhận. Sau khi vay, bà **T** có trả lãi nhiều lần cho ông **H** với số tiền lãi nhiều hơn 35 chỉ vàng đã vay. Một thời gian sau bà **T** không có khả năng trả lãi nữa nên ông **H** đã khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà **T** phải trả nợ vay cho ông. Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết bằng bản án buộc bà **T** có trách nhiệm trả cho ông **H** 06 chỉ vàng 24k (tương đương 24.060.000đ). Đối với khoản tiền 92.460.000đ mà ông **H** cho rằng bà **T** mượn vào ngày 03/02/2016 và số tiền 51.000.000đ mượn vào ngày 23/02/2016 là hoàn toàn không đúng sự thật. Bà **T** không có mượn tiền gì của ông **H**, nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **H**.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 29/11/2023, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:**

*“Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Huỳnh Văn H** yêu cầu bà **Trần Thị T** phải trả số tiền 269.676.108đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm lẻ tám đồng)...”



Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/12/2023, ông Huỳnh Văn H gửi đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng buộc bà Trần Thị T phải trả số tiền 269.676.108 đồng.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tranh luận: Đối với hai khoản tiền ông H cho rằng bà T mượn 92.460.000đ vào ngày 03/02/2016 và số tiền 51.000.000đ vào ngày 23/02/2016, thực tế đây là số tiền lãi của khoản vay 35 chỉ vàng 24K mà bà T vay ông H vào năm 2013. Khoản vay 35 chỉ vàng 24K giữa bà T và ông H đã được Tòa án hai cấp tỉnh Sóc Trăng giải quyết vào năm 2020. Vì việc cho vay vàng giữa ông H và bà T chưa đúng quy định của Ngân hàng N2 nên 2 khoản tiền lãi phát sinh là 92.460.000đ và 51.000.000đ bị vô hiệu. Do vậy, việc ông H khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán 02 khoản tiền nợ nêu trên là chưa đúng quy định pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Huỳnh Văn H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T hoàn trả số tiền mượn (vay không lãi) là: 92.460.000đ mượn vào ngày 03/02/2016 và 51.000.000đ mượn vào ngày 23/02/2016, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “Giấy nhận nợ” lập ngày 16/01/2016, có chữ ký của bà T trong tờ biên nhận.

[2] Bà Trần Thị T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà cho rằng 02 khoản tiền nêu trên là tiền lãi của khoản vay 35 chỉ vàng 24K giữa bà và ông H vào năm 2013 và khoản vay này đã được Tòa án hai cấp tỉnh Sóc Trăng giải quyết xong vào năm 2020, đến nay bà không còn nợ ông H khoản tiền nào.

[3] Qua xem xét chứng cứ là “Giấy nhận nợ” lập ngày 16/01/2016 thể hiện nội dung “Vào ngày 25 tháng 12 năm 2015 (âm lịch) tôi có thiếu em H số tiền lời là: 92.460.000 đồng với cộng thêm số tiền là 51.000.000 đồng...”. Ông H cho rằng 02 khoản tiền nêu trên là tiền vốn vay không phải tiền lãi, khi lập biên nhận bà T ghi tiền lời nhưng do ông sơ suất thiếu kiểm tra. Xét thấy, nội

dung tờ biên nhận thể hiện rõ bà **T** nợ ông **H** 02 khoản tiền lãi là 92.460.000 đồng và 51.000.000 đồng, phía ông **H** xác nhận sau khi lập tờ biên nhận thì bà **T** giao cho ông giữ từ đó cho đến khi phát sinh tranh chấp nên việc ông cho rằng mình thiếu kiểm tra là chưa phù hợp thực tế. Do vậy, việc bà **T** cho rằng số tiền 92.460.000 đồng và 51.000.000 đồng ông **H** khởi kiện là tiền lãi của khoản vay 35 chỉ vàng 24K phát sinh năm 2013, không phải tiền vốn theo như ông **H** trình bày là có cơ sở.

[4] Đối với khoản vay 35 chỉ vàng 24K giữa ông **H** và bà **T** đã được Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh Sóc Trăng giải quyết vào năm 2020, vì giao dịch cho vay bằng vàng giữa các bên chưa đúng với quy định của **Ngân hàng N2** nên đã bị tuyên vô hiệu, kể cả phần tiền lãi suất phát sinh từ giao dịch, do vậy bà **T** không có nghĩa vụ phải thanh toán 02 khoản tiền lãi còn nợ ông **H** là 92.460.000 đồng và 51.000.000 đồng theo “Giấy nhận nợ” lập ngày 16/01/2016 nêu trên. Vì vậy cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **H** là phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **H**, chấp nhận lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Huỳnh Văn H** là người cao tuổi nên thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Huỳnh Văn H**, giữ nguyên bản án sơ thẩm 77/2023/DS-ST ngày 29/11/2023, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Huỳnh Văn H** được miễn nộp tiền án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- TAND huyện Trần Đề;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Quang Nhuận**

